

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Tạ Việt Cường

2. Ngày tháng năm sinh: 03/12/1988; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): P307-C5, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 307 - Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0916151168;

E-mail: cuongtv@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2010 đến 08/2018: Hợp đồng lao động (giảng viên đào tạo nguồn) tại Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ 09/2018 đến 06/2025: Giảng viên tại Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 25 tháng 06 năm 2010, số văn bằng: QC 079759, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 7 tháng 5 năm 2013, số văn bằng: QM 006296, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 06 tháng 07 năm 2018, số văn bằng: COMUGA 13197558, ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Cộng đồng các Trường Đại học Grenoble Alpes, Cộng hoà Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu ứng dụng học máy thống kê
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu các phương pháp học sâu trên dữ liệu đồ thị
- Hướng nghiên cứu 3: Học tăng cường

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 2 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 40 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giải thưởng CNTT “Quả cầu vàng”	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Khoa học và Công nghệ	2008
2	Danh hiệu “Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp cơ sở”	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	2022
3	Danh hiệu Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN	Đại học Quốc gia Hà Nội	2022
4	Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021 - 2022	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	2022
5	Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong công tác năm học 2022 - 2023	Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
6	Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2022 - 2023	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	2023
7	Bằng khen đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo 2023	Đại học Quốc gia Hà Nội	2024
8	Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2022 - 2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024
9	Danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2024	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	2025
10	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo 2024	Đại học Quốc gia Hà Nội	2025

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên của Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, bản thân tự nhận thấy không ngừng học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tích cực tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học:

*** Về tiêu chuẩn của nhà giáo**

- Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối lãnh đạo của Đảng. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và khiêm tốn; có lối sống giản dị, trong sáng và lành mạnh.

- Được đào tạo chính quy về lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng được quy định về chuẩn nghề nghiệp; có năng lực sư phạm tốt, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

- Tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học; luôn chủ động trau dồi chuyên môn, cập nhật kiến thức mới, cải tiến phương pháp giảng dạy; phát huy được tinh thần chủ động và sáng tạo trong giảng dạy và nghiên cứu. Đã hoàn thành chương trình và được cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Là chủ nhiệm của 03 đề tài KHCN và luôn luôn tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học; vinh dự được hai lần nhận Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội vì đạt thành tích trong công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

- Luôn hoàn thành tốt định mức giảng dạy và các hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Quốc gia Hà Nội, cũng như của Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN. Đã 3 lần, trong các năm 2022, 2023 và 2025 được đồng nghiệp và đơn vị tín nhiệm bầu chọn đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở" vì những thành tích xuất sắc trong các năm học.

- Có ý thức tập luyện thể dục thể thao, đảm bảo được sức khỏe để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

*** Về nhiệm vụ của nhà giáo**

- Trong các hoạt động đào tạo, giảng dạy, luôn có ý thức nghiêm túc thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục của Đảng, chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Quốc gia Hà Nội, của Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN; nắm bắt, kịp thời cập nhật kiến thức thực tế và những xu thế phát triển của CNTT, hoạt động nghiên cứu khoa học và các ứng dụng của chuyên ngành "khoa học máy tính" vào các bài giảng;

- Gương mẫu trong thực hiện nghĩa vụ công dân và trong thực hiện các quy định của pháp luật, quy chế, điều lệ và các quy định của nhà trường, có lý lịch minh bạch, rõ ràng.

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, và danh dự của nhà giáo; thực hiện liêm chính trong học thuật và đào tạo; luôn tôn trọng, đoàn kết, hỗ trợ và hợp tác tốt với đồng nghiệp; tôn trọng, đối xử công bằng

với người học; cởi mở, gần gũi, hỗ trợ sinh viên, học viên và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học.

- Luôn có ý thức tự giác học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu; góp phần xây dựng môi trường học thuật lành mạnh, thân thiện và nhân văn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 9 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020					315		315/535,5/270
2	2020-2021				9	270	30	300/855/270
3	2021-2022				3	285	45	330/651,75/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023		1	1	6	240	90	330/608,17/270
5	2023-2024		1	1	5	345	45	390/645,5/270
6	2024-2025		1	3	5	337	45	382,5/627,5/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hoà Pháp năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phạm Nhật Linh		X	X		05/2020 đến 01/2022	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	28/03/2022
2	Phạm Tuấn Dũng		X	X		05/2021 đến 10/2022	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	14/10/2022
3	Hoàng Thị Linh		X	X		11/2022 đến 10/2023	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	06/11/2023

4	Nguyễn Tiến Đạt		X	X		11/2022 đến 12/2024	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	08/01/2025
5	Lê Bằng Giang		X	X		11/2023 đến 12/2024	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	08/01/2025
6	Đinh Sỹ Hào		X	X		05/2024 đến 12/2024	Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội	08/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu
----	--	-----------	----------------------	---------------------	----------------------

					(ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu ứng dụng học sâu trong bài toán học biểu diễn đặc trưng ẩn trên đồ thị động	CN	QG.23.32, cấp Bộ	27/04/2023 đến 26/04/2025	23/05/2025, Xuất sắc
2	Nghiên cứu các phương pháp tăng tính bảo mật cho bài toán giấu tin trong ảnh dựa trên kiến trúc mạng học sâu	CN	CN20.24, cấp Cơ sở	06/10/2020 đến 24/06/2021	04/6/2021, Tốt
3	Nghiên cứu áp dụng phương pháp học tăng cường cho bài toán gợi ý sản phẩm	CN	CN.24.13, cấp Cơ sở	19/06/2024 đến 16/06/2025	10/6/2025, Đạt yêu cầu

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	<u>Particulate Matter Concentration Estimation from Satellite Aerosol and Meteorological Parameters: Data-Driven Approaches</u>	4	Không	Proceedings of the Fifth International Conference KSE 2013/ISBN: 978-3-319-02741-8		23	1 351-362	10/2013
2	Dataset Construction for	5	Không	Tạp chí Khoa Học và Công nghệ các			107, 112-117	10/2015

	Multi-Modal Person Localization And Identification Evaluation			trường đại học kỹ thuật/ISSN: 2354- 1083				
3	<u>The Grenoble System for the Social Touch Challenge at ICMI 2015</u>	5	Có	Proceedings of the 2015 ACM on International Conference on Multimodal Interaction/ISBN: 978-7-4503-3912-4	<i>IF: , Hội nghị hạng B theo danh mục CORE</i>	33	391-398	11/2015
4	<u>Smartphone- based User Location Tracking in Indoor Environment</u>	4	Có	Proceedings of the 2016 International Conference on Indoor Positioning and Indoor Navigation/ISBN: 978-1-5090-2425-4		4	1-8	10/2016
5	<u>The Smartphone- Based Offline Indoor Location Competition at IPIN 2016: Analysis and Future work</u>	20	Không	Sensors/ISSN: 1424-8220	<i>Có - SCIE IF: 3.4, Q1 theo Scimago</i>	93	17, 3, 557	03/2017

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

6	<u>Smartphone- based user positioning in a multiple-user context with Wi-Fi and Bluetooth</u>	4	Có	Proceedings of the 2018 International Conference on Indoor Positioning and Indoor Navigation/ISSN: 2162-7347		17	125-132	09/2018
---	---	---	----	--	--	----	---------	---------

7	<u>Sharing Experience in Multitask Reinforcement Learning</u>	8	Không	Proceedings of the Twenty-Eighth International Joint Conference on Artificial Intelligence/ISBN: 978-1-956792-00-3	- Scopus <i>IF: , Hội nghị hạng A* theo danh mục CORE</i>	24	3642-3648	08/2019
8	<u>Reducing Blocking Artifacts in CNN-Based Image Steganography by Additional Loss Functions</u>	4	Không	Proceedings of the 2020 12th International Conference on Knowledge and Systems Engineering/ISBN: 978-1-7281-4510-5		3	61-66	11/2020
9	<u>Exploring Efficiency of GAN-based Generated URLs for Phishing URL Detection</u>	4	Không	Proceedings of the 2021 International Conference on Multimedia Analysis and Pattern Recognition/ISBN: 978-1-6654-1910-9		9	1-6	10/2021
10	<u>Improving Graph Convolutional Networks with Transformer Layer in social-based items recommendation</u>	3	Không	Proceedings of the 2021 13th International Conference on Knowledge and Systems Engineering/ISSN: 2694-4804	- Scopus	5	1-6	11/2021
11	<u>Power Control in a modified Strict Frequency Reuse Algorithm</u>	4	Không	Proceedings of the 2022 IEEE Ninth International Conference on Communications and			48-52	07/2022

	<u>Utilizing Q-Learning</u>			Electronics/ISBN: 978-1-6654-9744-2				
12	<u>Distill Knowledge in Multi-task Reinforcement Learning with Optimal-Transport Regularization</u>	2	Không	Proceedings of the 2022 14th International Conference on Knowledge and Systems Engineering/ ISSN: 2694-4804	- Scopus		1-6	10/2022
13	<u>Effect of Cluster-based Sampling on the Over-smoothing Issue in Graph Neural Network</u>	2	Có	Proceedings of the 2022 14th International Conference on Knowledge and Systems Engineering/ ISSN: 2694-4804	- Scopus		1-6	10/2022
14	<u>Dynamic-GTN: Learning an Node Efficient Embedding in Dynamic Graph with Transformer</u>	2	Có	Proceedings of 19th Pacific Rim International Conference on Artificial Intelligence, Part II (Thuộc Lecture Notes in Computer Science)/ISSN: 1611-3349	- Scopus <i>IF: , Q2 theo Scimago, Hội nghị hạng B theo danh mục CORE</i>	2	430-443	11/2022
15	<u>En-SeqGAN: An Efficient Sequence Generation Model for Deceiving URL Classifiers</u>	3	Không	Proceedings of 14th Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems, pages (thuộc Communications in Computer and	- Scopus <i>IF: , Q4 theo Scimago, Hội nghị hạng B theo danh mục CORE</i>		477-489	11/2022

				Information Science)/ISSN: 1865-0937				
16	<u>Tabnet efficiency for facies classification and learning feature embedding from well log data</u>	7	Có	Petroleum Science and Technology/ISSN: 1532-2459	Có - SCI IF: 1.3, Q3 theo Scimago	5	42, 25, 4610- 4625	06/2023
17	<u>Noisy-label Propagation for Video Anomaly Detection with Graph Transformer Network</u>	2	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ISSN: 2588-1086		1	39, 2, 90- 100	06/2023
18	<u>Quality Assessment Criteria and Methods for 3D Digital Replica of Historical Printing Woodblocks</u>	6	Không	Journal on Computing and Cultural Heritage/ISSN: 1556-4711	Có - SCIE IF: 2.1, Q1 theo Scimago		16, 3, 1- 16	08/2023
19	<u>Structural and Compact Latent Representation Learning on Sparse Reward Environments</u>	4	Có	Proceedings of 15th Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems, Part II (thuộc Lecture Notes in Computer Science)/ISSN: 1611-3349	- Scopus IF: , Q2 theo Scimago, Hội nghị hạng B theo danh mục CORE		40-51	09/2023

20	<u>Balancing structure and position information in Graph Transformer network with a learnable node embedding</u>	2	Có	Expert Systems with Applications/ISSN: 0957-4174	Có - SCIE IF: 7.5, Q1 theo Scimago	7	238 122096	10/2023
21	<u>Attention Pooling for Beta Wavelet Filters in Anomaly Classification with Graph Neural Network</u>	2	Có	Proceedings of the 2023 International Conference on Multimedia Analysis and Pattern Recognition/ISBN: 979-8-3503-2741-0			1-6	10/2023
22	<u>3D Depth Map Inpainting for Vietnamese Historical Printing Woodblocks: A Gated Convolution Approach</u>	6	Không	Proceedings of the 15th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering/ISSN: 2694-4804	- Scopus		1-6	10/2013
23	<u>Reduce Over-smoothing in Label Non-Uniformity Learning Based on Graph Convolution Network</u>	2	Không	Proceedings of the 15th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering/ISSN: 2694-4804	- Scopus	1	83-88	10/2023
24	<u>Optimizing Region of Convergence to</u>	3	Có	Proceedings of the 15th IEEE International	- Scopus		292-297	10/2023

	<u>Preserve Model</u> <u>Privacy from</u> <u>Membership</u> <u>Inference Attack</u>			Conference on Knowledge and Systems Engineering/ISSN: 2694-4804				
25	<u>Reconstructing</u> <u>Missing Joints</u> <u>in 3D Human</u> <u>Motion with</u> <u>Temporal-</u> <u>Structural</u> <u>Awareness</u> <u>Graph Neural</u> <u>Network</u>	3	Có	Proceedings of the 15th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering/ISSN: 2694-4804	- Scopus		77-82	10/2023
26	<u>Dynamic</u> <u>weighted</u> <u>ensemble for</u> <u>diarrhoea</u> <u>incidence</u> <u>predictions</u>	7	Không	Machine Learning/ISSN: 1573-0565	Có - SCIE <i>IF: 2.9, Q1</i> <i>theo</i> <i>Scimago</i>	2	113, 4, 2129– 2152	11/2023
27	<u>BM-</u> <u>BronchoLC-A</u> <u>rich</u> <u>bronchoscopy</u> <u>dataset for</u> <u>anatomical</u> <u>landmarks and</u> <u>lung cancer</u> <u>lesion</u> <u>recognition</u>	31	Không	Scientific Data/ISSN: 2052- 4463	Có - SCIE <i>IF: 5.8, Q1</i> <i>theo</i> <i>Scimago</i>	6	11 321	03/2024
28	<u>Enhance driver</u> <u>activity</u> <u>recognition with</u> <u>spatial-temporal</u> <u>graph</u>	4	Có	Proceedings of the 17th National Conference on Fundamental and Applied Information			223-321	08/2024

	<u>convolution network</u>			Technology Research				
29	<u>Toward a Manifold-Preserving Temporal Graph Network in Hyperbolic Space</u>	2	Có	Proceedings of the Thirty-Third International Joint Conference on Artificial Intelligence/ISBN: 978-1-956792-04-1	- Scopus <i>IF: , Hội nghị hạng A* theo danh mục CORE</i>		4380-4388	08/2024
30	<u>Incremental Learning with Adaptive Augmentation for Image-based Active Learning</u>	2	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ISSN: 2588-1086			40, 2, 12-21	12/2024
31	<u>Preserving Spatial-Temporal Relationship with Adaptive Node Sampling in Hierarchical Dynamic Graph Transformers</u>	4	Có	Proceedings of the 16th Asian Conference on Machine Learning, PMLR (thuộc Proceedings of Machine Learning Research)/ISSN: 2640-3498	- Scopus		1176-1191	12/2024
32	<u>On the Effectiveness of Regularization Methods for Soft Actor-Critic in Discrete-Action Domains</u>	2	Có	IEEE Transactions on Systems, Man, and Cybernetics: Systems/ISSN: 2168-2216	Có - SCIE <i>IF: 8.7, Q1 theo Scimago</i>	1	55, 2, 1425-1438	12/2024
33	<u>MergeKD: An Empirical Framework for Combining</u>	3	Không	Proceedings of the 58th Hawaii International Conference on			7287-7296	01/2025

	<u>Knowledge Distillation with Model Fusion Using BERT Model</u>			System Sciences/ISSN: 2572-6862				
34	<u>Low variance trust region optimization with independent actors and sequential updates in cooperative multi-agent reinforcement learning</u>	2	Có	Autonomous Agents and Multi-Agent Systems/ISSN: 1573-7454	Có - SCIE IF: 2.0, Q2 theo Scimago		39, 1, 02/2025	02/2025
35	<u>Toward finding strong pareto optimal policies in multi-agent reinforcement learning</u>	2	Có	Machine Learning/ISSN: 1573-0565	Có - SCIE IF: 2.9, Q1 theo Scimago	1	114, 3, 1-20	02/2025
36	<u>Tackling under-reaching issue in Beta-Wavelet filters with mixup augmentation for graph anomaly detection</u>	2	Có	Expert Systems with Applications/ISSN: 0957-4174	Có - SCIE IF: 7.5, Q1 theo Scimago	2	275 127033	03/2025
37	<u>Enhance Exploration in Safe Reinforcement</u>	3	Có	Proceedings of 17th Asian Conference on Intelligent Information and	- Scopus IF: , Q4 theo Scimago,		3 3-17	04/2025

	<u>Learning with Contrastive Representation Learning</u>			Database Systems (thuộc Communications in Computer and Information Science)/ISSN: 1865-0937	Hội nghị hạng B theo danh mục CORE			
38	<u>Temporal Structural Preserving with Subtree Attention in Dynamic Graph Transformers</u>	2	Có	ACM Transactions on Knowledge Discovery from Data/ISSN: 1556-4681	Có - SCIE IF: 4.0, Q1 theo Scimago		19, 4, 1-24	04/2025
39	<u>QL-PGD: An efficient defense against membership inference attack</u>	4	Có	Journal of Information Security and Applications/ISSN: 2214-2134	Có - SCIE IF: IF: 3.1, Q1 theo Scimago		92 104095	05/2025
40	<u>Adaptive Weighting by Sinkhorn Distance for Sharing Experiences between Multi-Task Reinforcement Learning in Sparse-reward Environments</u>	1	Có	VNU Journal of Science: Computer Science and Communication Engineering/ISSN: 2588-1086			41, 1, 69-83	06/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 8 ([16] [20] [32] [34] [35] [36] [38] [39])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)



Tạ Việt Cường